

Số: 28/2023/NQ-HĐND

Bình Định, ngày 21 tháng 9 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Quy định định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng,
hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân,
Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Định**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 12 (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật và Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Xét Tờ trình số 170/TTr-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc Quy định định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Định; Báo cáo thẩm tra số 69/BC-PC ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành Quy định định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Định với các nội dung sau:

1. Đối với dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tại Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/ dự thảo

STT	Loại văn bản		Văn bản quy định tại khoản 1 Điều 27	Văn bản quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27	Văn bản quy định tại khoản 4 Điều 27
	Cơ quan, đơn vị được phân bổ				
1.	Văn bản ban hành mới hoặc thay thế		19.000	25.000	30.000
	- Cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản (bao gồm cả chi cho cá nhân tham gia họp thẩm tra)		15.500	21.500	25.500
	- Sở Tư pháp thực hiện các hoạt động góp ý, thẩm định đề nghị xây dựng văn bản, dự thảo văn bản		2.000	2.000	3.000
	- Ban của Hội đồng nhân dân thực hiện các hoạt động thẩm tra dự thảo văn bản (không bao gồm chi cho cá nhân tham gia họp)		1.500	1.500	1.500
2.	Văn bản sửa đổi, bổ sung		15.200	20.000	24.000
	- Cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản (bao gồm cả chi cho cá nhân tham gia họp thẩm tra)		12.400	17.200	20.400
	- Sở Tư pháp thực hiện các hoạt động góp ý, thẩm định đề nghị xây dựng văn bản, dự thảo văn bản		1.600	1.600	2.400
	- Ban của Hội đồng nhân dân thực hiện các hoạt động thẩm tra dự thảo văn bản (không bao gồm chi cho cá nhân tham gia họp)		1.200	1.200	1.200

mhan

Đối với văn bản ban hành theo quy định tại khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015: định mức phân bổ kinh phí cho cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản và Sở Tư pháp bao gồm cả hoạt động đề nghị xây dựng Nghị quyết và dự thảo Nghị quyết.

2. Đối với dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại Điều 28 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/ dự thảo

STT	Loại văn bản Cơ quan, đơn vị được phân bổ	Văn bản quy định tại khoản 1 Điều 28	Văn bản quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 28
1.	Văn bản ban hành mới hoặc thay thế	16.000	20.000
	- Cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản	14.000	18.000
	- Sở Tư pháp thực hiện các hoạt động góp ý, thẩm định dự thảo văn bản	2.000	2.000
2.	Văn bản sửa đổi, bổ sung	12.800	16.000
	- Cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản	11.200	14.400
	- Sở Tư pháp thực hiện các hoạt động góp ý, thẩm định dự thảo văn bản	1.600	1.600

3. Đối với dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân, dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã:

a) Đối với dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện:

- Văn bản ban hành mới hoặc thay thế: 15.000.000 đồng/ dự thảo;
- Văn bản sửa đổi, bổ sung: 12.000.000 đồng/ dự thảo;

b) Đối với dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã:

- Văn bản ban hành mới hoặc thay thế: 10.000.000 đồng/ dự thảo;
- Văn bản sửa đổi, bổ sung: 8.000.000 đồng/ dự thảo;

c) Đối với dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- Văn bản ban hành mới hoặc thay thế: 10.000.000 đồng/ dự thảo;
- Văn bản sửa đổi, bổ sung: 8.000.000 đồng/ dự thảo;

d) Đối với dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã:

- Văn bản ban hành mới hoặc thay thế: 8.000.000 đồng/ dự thảo;
- Văn bản sửa đổi, bổ sung: 6.400.000 đồng/ dự thảo.

e) Định mức phân bổ kinh phí của cơ quan soạn thảo, cơ quan thẩm định, cơ quan thẩm tra của cấp huyện, cấp xã cho công tác xây dựng, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã được thực hiện tương ứng với tỷ lệ phân bổ kinh phí của cấp tỉnh.

4. Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được quyết định nội dung chi và mức chi về việc thực hiện nhiệm vụ được giao trong phạm vi mức phân bổ kinh phí quy định tại Nghị quyết này phù hợp với các quy định tại Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ Tài chính.

5. Ngoài định mức phân bổ kinh phí quy định tại Điều này, trong trường hợp cần thiết và khả năng nguồn kinh phí của cơ quan, đơn vị, thủ trưởng của cơ quan, đơn vị chủ trì sắp xếp, bố trí kinh phí để hỗ trợ cho các hoạt động về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật từ nguồn kinh phí thường xuyên của cơ quan, đơn vị.

6. Các khoản chi và mức chi công tác theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo các Thông tư quy định của Bộ Tài chính.

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIII Kỳ họp thứ 12 (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 21 tháng 9 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 2023. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 77/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (báo cáo);
- Thủ tướng Chính phủ (báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp (kiểm tra);
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- TT Tỉnh ủy (b/c); TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành liên quan;
- VP: Tỉnh ủy; ĐDBQH&HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- TT Huyện ủy, HĐND, UBND cấp huyện;
- TT Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, hồ sơ kỳ họp.



CHỦ TỊCH

Hồ Quốc Dũng